TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53**/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12-8-2025
Về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Hồng Sơn;

+ Bà Trần Thị Đông.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hà Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2025/TLST-HNGĐ ngày 19/02/2025 về: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Diễm Tr, sinh năm: 1999; địa chỉ: thôn Ph, xã T, thành phố Đ. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1998; Địa chỉ: thôn H, phường Q, thành phố Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị Đỗ Thị Diễm Tr trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Văn B kết hôn vào năm 2020 tại UBND xã Tam Xuân II, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, xích mích, bất đồng quan điểm. Nguyên nhân là do anh B ham chơi không chăm lo vun vén gia đình, không có trách nhiệm với con cái, nghiện ma tuý. Mặc dù gia đình đã cố gắng khuyên nhủ nhưng anh B vẫn không thay đổi. Chúng tôi đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2022 cho đến nay. Nay, tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đến mức trầm trọng,

mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

* Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung tên là Nguyễn Đỗ Quỳnh Nhsinh ngày 05/12/2021. Khi ly hôn, nguyện vọng của tôi là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nh đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Tôi thống nhất với phần trình bày của chị Tr về quan hệ hôn hôn, con chung và tài sản chung, nợ chung. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn khó hàn gắn, nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị Tr xin ly hôn, tôi đồng ý.

Về con chung: Khi ly hôn, tôi thống nhất giao con cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Tr không yêu cầu tôi phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Diễm Tr, xử cho chị Tr là được ly hôn với anh Nguyễn Văn B; về con chung: giao con chung cho chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung chị Tr không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Chị Đỗ Thị Diễm Tr có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Anh B có địa chỉ tại phường Quảng Phú, thành phố Đà Nẵng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. *Về nội dung*:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*:

Chị Đỗ Thị Diễm Tr và anh Nguyễn Văn B kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Xuân II, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Hôn nhân của hai người là hoàn toàn tự nguyện nên được pháp luật công nhận.

Xét tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Tr, anh B thì thấy: Theo trình bày của chị Tr, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh B ăn chơi không lo làm ăn, nghiện ma tuý, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2022 đến nay. Nay chị Tr xét thấy tình cảm không còn nên xin được ly hôn với anh B. Anh B cũng thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn khó hàn gắn, nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh thống nhất với yêu cầu ly hôn của chị Tr.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng anh B vắng mặt nên Toà án không thể tiến hành hoà giải để các bên đoàn tụ. Anh B cũng thống nhất với yêu cầu ly hôn của chị Tr. Điều này cho thấy, chị Tr, anh B đều không có mong muốn đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Mặc khác, hai người đã sống ly thân đến nay đã được hơn 3 năm và không có liên lạc với nhau cũng đủ cho thấy mâu thuẫn giữa hai người đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân. Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận mâu thuẫn giữa chị Tr và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Các bên đều có nguyện vọng mong muốn ly hôn. Xét thấy,việc thuận tình ly hôn giữa các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Diễm Tr và anh Nguyễn Văn B.

[2.2]. *Về con chung*: Chị Tr và anh B có 01 con chung là cháu Nguyễn Đỗ Quỳnh Nhsinh ngày 05/12/2021. Khi ly hôn chị Tr có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nh đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B thống nhất với nguyện vọng trên của chị Tr. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận giữa chị Đỗ Thị Diễm Tr và anh Nguyễn Văn B, giao con chung cho chị Tr được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị Tr không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét .

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Đỗ Thị Diễm Tr phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Diễm Tr về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" đối với bị đơn anh Nguyễn Văn B.

[1]. ***Về quan hệ hôn nhân***: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Diễm Tr và anh Nguyễn Văn B.

[2]. ***Về con chung***: Giao con chung cháu Nguyễn Đỗ Quỳnh Nhsinh ngày 05/12/2021 cho chị Đỗ Thị Diễm Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Đỗ Thị Diễm Tr không yêu cầu anh Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

[3]. ***Về tài sản chung, nợ chung***: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. ***Về án phí***: Án phí DS-ST là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Đỗ Thị Diễm Tr phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đỗ Thị Diễm Tr đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số số 0001818 ngày 19/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Đà Nẵng). Chị Tr đã nộp đủ án phí DS-ST.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Ân

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 5 – Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 5 – Đà Nẵng
- UBND xã Tam Xuân, TP Đà Nẵng;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, án văn.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**